

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 32 Cao đẳng xây dựng DD&CN Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2008 - 2009 ĐVHT : 3
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Lý thuyết xác suất thống kê Học Kỳ : 2 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
				L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3275010001	Nguyễn Văn Ân	27/02/1990	6						6.00	1.80	4.00	2.80	5	
2	3275010004	Đặng Tuấn Anh	03/12/1990	7						7.00	2.10	5.00	3.50	6	
3	3275010005	Nguyễn Quỳnh Anh	31/07/1989	3						3.00	0.90	4.00	2.80	4	Học lại
4	3275010011	Phạm Đức Ban	14/10/1990	5						5.00	1.50	6.00	4.20	6	Học lại
5	3275010015	Đặng Thanh Bình	10/10/1983	0						0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
6	3275010016	Trần Đăng Bình	23/01/1990	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
7	3275010021	Nguyễn Văn Chiến	04/01/1990	2						2.00	0.60	5.00	3.50	4	
8	3275010042	Não Ngọc Đám	20/06/1989	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
9	3275010051	Đặng Quốc Hận	03/10/1989	2						2.00	0.60	2.00	1.40	2	Học lại
10	3275010074	Đặng Ngọc Hoàng	04/02/1989	8						8.00	2.40	5.00	3.50	6	
11	3275010077	Nguyễn Mạnh Hoàng	16/08/1990	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	
12	3275010088	Võ Quốc Huy	01/07/1990	3						3.00	0.90	4.00	2.80	4	
13	3275010093	Nguyễn Mậu Hưởng	16/06/1987	3						3.00	0.90	5.00	3.50	4	
14	3275010095	Hà Duy Khánh	20/07/1990	2						2.00	0.60	6.00	4.20	5	Học lại
15	3275010103	Nguyễn Tấn Kỳ	02/05/1990	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	
16	3275010104	Nguyễn Thành Lang	31/05/1990	4						4.00	1.20	6.00	4.20	5	Học lại
17	3275010118	Võ Thành Lợi	16/12/1989	7						7.00	2.10	3.00	2.10	4	
18	3275010130	Phan Văn Minh	20/08/1988	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	Học lại
19	3275010132	Đỗ Thanh Nam	15/07/1989	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
20	3275010134	Lê Thanh Nam	20/12/1990	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
21	3275010142	Phạm Thành Nghĩa	08/01/1989	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3275010149	Đậu Minh	Nhật	02/11/1990	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
23	3275010154	Lê Vũ Thanh	Phong	22/12/1990	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
24	3275010159	Trương Anh	Phú	17/11/1990	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
25	3275010163	Ngô Duy	Quang	15/02/1989	1						1.00	0.30	2.00	1.40	2	
26	3275010167	Trần Văn	Quốc	06/04/1989	5						5.00	1.50	3.00	2.10	4	Học lại
27	3275010173	Nguyễn Tấn	Sang	12/08/1988	8						8.00	2.40	4.00	2.80	5	
28	3275010181	Hồ Viết	Tân	20/02/1989	4						4.00	1.20	6.00	4.20	5	
29	3275010187	Trần	Tài	08/02/1990	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
30	3275010194	Nguyễn Văn	Thành	18/10/1989	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	Học lại
31	3275010196	Phạm Minh	Thành	16/12/1990	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
32	3275010204	Hồ Công	Thế	01/01/1990	4						4.00	1.20	4.00	2.80	4	
33	3275010209	Trần Ngọc	Thiện	09/02/1990	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
34	3275010212	Nguyễn Văn	Thìn	06/07/1988	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	
35	3275010219	Mai Lê	Tiên	12/05/1990		6					6.00	1.80	3.00	2.10	4	Học lại
36	3275010235	Đào Duy	Trí	28/02/1990	8						8.00	2.40	5.00	3.50	6	
37	3275010237	Phạm Quốc	Trí	10/02/1990	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
38	3275010238	Huỳnh Văn	Trung	07/02/1990	6						6.00	1.80	4.00	2.80	5	
39	3275010240	Nguyễn Minh	Trung	08/11/1987	4						4.00	1.20	3.00	2.10	3	Học lại
40	3275010247	Trần Duy	Trường	10/08/1988	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại
41	3275010265	Đinh Xuân	Tưởng	26/03/1989	4						4.00	1.20	6.00	4.20	5	Học lại
42	3275010266	Dương Quốc	Uy	29/11/1990	3						3.00	0.90	3.00	2.10	3	
43	3275010278	Nguyễn Ngọc	Vương	02/09/1990	7						7.00	2.10	7.00	4.90	7	

Tổng: 43.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	0	0.0
Khá	1	2.3

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	6	14.0
Trung bình	19	44.2
Không đạt	17	39.5
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa